

Số: 19/2023/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 27 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung quy định tại Bảng giá đất
trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2020-2024**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 96/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định về khung giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 315/TT-STNMT ngày 14 tháng 6 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung quy định tại Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2020-2024 như sau:

1. Bổ sung giá đất các vị trí, tuyến đường thuộc Bảng 5.1- Thành phố Sơn La ban hành kèm theo Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh (*chi tiết Biểu số 1.1 kèm theo Phụ lục số 01*). Điều chỉnh tên tuyến đường thuộc Bảng 5.1- Thành phố Sơn La ban hành kèm theo Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh (*chi tiết có Biểu số 1.2 kèm theo Phụ lục số 01*).

2. Bổ tuyến đường “*Chiềng Cọ, Chiềng Xôm, Chiềng Đen: Bán kính 500m tính từ trung tâm xã đi các hướng*” quy định tại điểm 1 mục VI Phần B, Bảng 5.1- Thành phố Sơn La thuộc Bảng 05 đất ở tại đô thị và đất ở tại nông thôn ban hành kèm theo Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Bổ sung giá đất các vị trí, tuyến đường thuộc Bảng 5.5- Huyện Sông Mã ban hành kèm theo Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh (*chi tiết có Biểu số 2.1 kèm theo Phụ lục số 01*). Điều chỉnh tên một số tuyến đường thuộc Bảng 5.5- Huyện Sông Mã ban hành kèm theo Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh (*chi tiết có Biểu số 02.2 kèm theo Phụ lục số 01*).

4. Bổ sung giá đất các vị trí, tuyến đường thuộc Bảng 5.7- Huyện Mai Sơn ban hành kèm theo Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh (*chi tiết có Biểu số 3 kèm theo Phụ lục số 01*).

5. Bổ sung giá đất các vị trí, tuyến đường thuộc Bảng 5.9- Huyện Mộc Châu ban hành kèm theo Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh (*chi tiết có Biểu số 4.1 kèm theo Phụ lục số 01*). Điều chỉnh tên một số tuyến đường thuộc Bảng 5.5- Huyện Mộc Châu ban hành kèm theo Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh (*chi tiết có Biểu số 4.2 kèm theo Phụ lục số 01*).

6. Điều chỉnh tên một số tuyến đường tại Mục 1 Biểu số 01 thuộc Bảng 5.5- Huyện Sông Mã ban hành kèm theo Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh (*chi tiết có Biểu số 01 kèm theo Phụ lục số 02*); Điều chỉnh tên một số tuyến đường tại Mục 1, Mục 2 Phụ lục 03 thuộc Bảng 5.5- Huyện Sông Mã ban hành kèm theo Quyết định số 01/2022/QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh (*chi tiết có Biểu số 02 kèm theo Phụ lục số 02*).

7. Điều chỉnh tên tuyến đường tại Mục I Phần B, Biểu số 01.2 Phụ lục số 01 thuộc Bảng 5.1- Thành phố Sơn La; Mục 42 Phần A, Biểu số 01.3 Phụ lục số 01 thuộc Bảng 5.1- Thành phố Sơn La ban hành kèm theo Quyết định số 01/2022/QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh (*chi tiết có Phụ lục số 03 kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tư pháp, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Bộ Tài chính (b/c);
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Vụ pháp chế Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Cục kiểm tra VBQPPL – Bộ Tư pháp (b/c);
- Như Điều 3;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT - Hiệu 20 bản.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Quốc Khánh



PHỤ LỤC SỐ 01

**BIỂU SỐ 01.1. BỔ SUNG GIÁ ĐẤT CÁC VỊ TRÍ, TUYẾN ĐƯỜNG
THUỘC BẢNG 5.1 - THÀNH PHỐ SƠN LA**

(Kèm theo Quyết định số 19/2023/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2023 của UBND tỉnh)

ĐVT: 1000 đồng/m²

STT	Tuyến đường	Giá đất				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
A	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ					
I	Phường Chiềng An					
1	Từ kè suối Nậm La đến ngã ba bãi đá đô thị cũ	5.500	3.000	2.000	1.500	1.000
II	Phường Quyết Tâm					
1	Đường quy hoạch khu dân cư mới tổ 5 phường Quyết Tâm đường quy hoạch rộng từ 10-11,5 m	4.500	3.000			
III	Phường Chiềng Sinh					
1	Từ Km 291+160 m giáp địa phận xã Chiềng Mung đến Km 291+935 m tổ 17 phường Chiềng Sinh	4.700	2.800	2.000	1.400	1.000
2	Từ Km 292+410 m giáp địa phận xã Chiềng Mung huyện Mai Sơn đến Km 293 + 470 m thuộc tổ 7 phường Chiềng Sinh	4.500	2.500	2.000	1.400	1.000
3	Từ Km 295+860 m giáp địa phận xã Chiềng Ban huyện Mai Sơn đến Km 297 giáp địa phận xã Hua La	5.000	2.800	2.000	1.400	1.000
4	Từ Km 297+860 m giáp địa phận xã Hua La đến Km 298+800 m giáp địa phận phường Chiềng Cơi	4.500	2.500	2.000	1.400	1.000
IV	Phường Chiềng Cơi					
1	Từ Km 298+800 m hướng đi Thuận Châu đến hết địa phận phường Chiềng Cơi	4.500	2.500	2.000	1.400	1.000
2	Từ hết đất hạ tầng khu dân cư số 1A (Quy hoạch khu đô thị phía Tây Nam thành phố) Đường 31m đến ngã tư giao với đường Văn Tiến Dũng	14.500	10.000			
V	Phường Tô Hiệu					
1	Đường từ ngã tư đường Hoàng Quốc Việt đi trụ sở HĐND-UBND tỉnh đến đường Nguyễn Văn Linh		9.000	5.400		
2	Đường từ ngã tư bản Mé Ban qua cầu Cóong Nội đến đường Nguyễn Văn Linh		7.400	4.500		
B	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN					
I	Xã Hua La					
1	Nút giao ngã 5 (đường 31m, đường tránh Quốc Lộ 6, đường Văn Tiến Dũng) đi các hướng 100m	5.500	3.000	2.500	1.600	1.100



STT	Tuyên đường	Giá đất				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
2	Nút giao ngã 5 (đường 31m, đường tránh Quốc Lộ 6, đường Văn Tiến Dũng) hướng đi Thuận Châu đến hết đất Bản Lụa xã Hua La giáp địa phận xã Chiềng Cọ (trừ mục 1 ghi trên)	4.500	2.500	2.000	1.400	1.000
3	Nút giao ngã 5 (đường 31m, đường tránh Quốc Lộ 6, đường Văn Tiến Dũng) hướng đi Thành phố đường 31 m đến ngã tư giao với đường Văn Tiến Dũng (hết địa phận xã Hua La) (trừ mục 1 ghi trên)	5.500	3.000	2.500	1.600	1.100
4	Nút giao ngã 5 (đường 31m, đường tránh Quốc Lộ 6, đường Văn Tiến Dũng) hướng đi Mai Sơn đến hết bản Hịa xã Hua La (trừ mục 1 ghi trên)	4.500	2.500	2.000	1.400	1.000
5	Từ Km 297 hướng đi huyện Thuận Châu đến Km 297+860 m giáp địa phận phường Chiềng Sinh	4.500	2.500	2.000	1.400	1.000
II Xã Chiềng Cọ						
1 Đường trục xã cũ (Hướng đi huyện Mai Sơn)						
-	Từ đầu đường Quốc Lộ 6 (chợ đầu mối) theo hướng đường trục xã cũ đến ngã ba giao với đường tránh Quốc Lộ 6 (đến đất nhà ông Quàng Văn Phúc)	2.400	1.500	1.100	800	500
-	Từ nhà ông Quàng Văn Chinh theo hướng đường trục xã cũ đến đất rừng ma (giao ngã ba đường tránh Quốc Lộ 6)	2.400	1.500	1.100	800	500
-	Từ ngã ba rẽ vào trường tiểu học Chiềng Cọ theo hướng đường trục xã cũ đến ngã ba đi các bản Ôt Luông, Ôt Nội, bản Giầu, Bản Ngoại, Bản Hùn	2.000	1.200	800	600	400
2 Đường tránh Quốc Lộ 6 (Hướng đi Mai Sơn)						
-	Từ đầu Quốc Lộ 6 (chợ đầu mối) dọc đường tránh Quốc Lộ 6 đến Ngã ba giao với đường trục xã cũ (đến đất nhà ông Quàng Văn Phúc)	5.000	2.800	2.000	1.400	1.000
-	Từ Ngã ba giao với đường trục xã cũ (đến đất nhà ông Quàng Văn Phúc) dọc đường tránh Quốc Lộ 6 đến Ngã ba rẽ vào trường Tiểu học Chiềng Cọ	4.500	2.500	2.000	1.400	1.000
-	Từ Ngã ba rẽ vào trường Tiểu học Chiềng Cọ đến hết địa phận xã Chiềng Cọ giáp đất bản Lụa xã Hua La	4.500	2.500	2.000	1.400	1.000
3 Khu quy hoạch dân cư bản Sàng, xã Hua La						
-	Đường quy hoạch rộng 11 m (gồm cả vỉ hè)	2.800				



PHỤ LỤC SỐ 01

**BIỂU SỐ 1.2 - ĐIỀU CHỈNH TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG TẠI MỘT SỐ VỊ TRÍ TUYẾN ĐƯỜNG
THUỘC BẢNG 5.1 - THÀNH PHỐ SƠN LA**

(Kèm theo Quyết định số 19/2023/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2023 của UBND tỉnh)

STT	Tên trước điều chỉnh	Tên sau điều chỉnh
B	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN	
VI	Trung tâm các xã	
1	Từ đường Quốc Lộ 6 đến hết đất của trụ sở UBND xã Chiềng Cọ; Chiềng Đen, đường đến các bản (trừ mục 1 và mục 2 ghi trên)	Từ đường Quốc lộ 6 đến hết đất Trung tâm bản Pàng xã Chiềng Đen



PHỤ LỤC SỐ 01

**BIỂU SỐ 2.F- BỔ SUNG GIÁ ĐẤT CÁC VỊ TRÍ, TUYẾN ĐƯỜNG
THUỘC BẢNG 5.5 - HUYỆN SÔNG MÃ**

(Kèm theo Quyết định số 19/2023/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2023 của UBND tỉnh)

ĐVT: 1000 đồng/m²

STT	Tuyến đường	Giá đất				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
A	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ					
1	Từ đầu cầu cứng tổ dân phố 5 đến vị trí 1 đường Lê Hồng Phong và vị trí 1 đường Lò Văn Giá	9.470	5.680	4.260	2.840	
B	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN					
I	ĐẤT Ở TẠI KHU DÂN CƯ VEN ĐÔ, KHU CÔNG NGHIỆP, ĐẦU MỐI GIAO THÔNG, TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG, CHÍNH, KHU THƯƠNG MẠI, KHU DU LỊCH					
1	Xã Nà Nghịu					
	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu phía tây sông Mã - Thị trấn Sông Mã Khu 6 và Khu 9 huyện Sông Mã					
1.1	Đường Hùng Vương (Từ Ngã ba đường Hoàng Văn Thụ Km 90+200 Quốc lộ 4G đến Cầu treo cũ)	6.000				
1.2	Đường Lê Thái Tông	2.800				
1.3	Phố Phạm Văn Đồng	2.400				
1.4	Phố Lý Nam Đế	2.400				
1.5	Đường Nguyễn Huệ	2.400				
1.6	Phố An Dương Vương	2.400				
2	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu đô thị Hưng Mai					
2.1	Đường Hùng Vương (đoạn từ Cầu treo cũ đến ngã tư giao với đường quy hoạch 21m)	7.000				
2.2	Đường Võ Nguyên Giáp	7.000				
3	Xã Chiềng Khương					
	Tuyến đường tuần tra biên giới từ ngã ba bản Cỏ đến hết đất nhà ông Quảng Văn Vui – bản Cỏ	250	200	150	130	100
II	ĐẤT CỤM XÃ, TRUNG TÂM XÃ					
1	Xã Mường Cai					
1.1	Từ đỉnh dốc kéo đỉnh chỗ nhà ông Kha Văn Ứng đến hết đất nhà tập thể thủy điện Nậm Sỏi	270	230	160	120	80
1.2	Từ ngã 3 nhà ông Tiến Dịu đầu cầu treo cũ đến hết đất nhà ông Lò Văn Thoan	260	220	160	120	80
1.3	Từ ngã 3 đi bản Co Phường (đường vào UBND xã) đến hết đất nhà ông Lò Văn Thi và tuyến vào đến cổng trụ sở UBND xã	250	200	150	100	80
1.4	Từ ngã 3 nhà ông Hiệp đường rẽ vào UBND xã đến giáp đất nhà máy thủy điện Nậm Sỏi	230	180	130	80	60
1.5	Các bản khác còn lại	120	90	80	70	60



PHỤ LỤC SỐ 01

**BIỂU SỐ 2.2. ĐIỀU CHỈNH TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG TẠI MỘT SỐ VỊ TRÍ TUYẾN ĐƯỜNG
THUỘC BẢNG 5.5 - HUYỆN SÔNG MÃ**

(Kèm theo Quyết định số 19/2023/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2023 của UBND tỉnh)

STT	Tên trước điều chỉnh	Tên sau điều chỉnh
A	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ	
I	Các trục đường chính	
16	Đường Nguyễn Du (đoạn từ UBND thị trấn đến nhà văn hóa tổ dân phố 8,9)	Phố Nguyễn Du (từ UBND thị trấn đến nhà văn hóa tổ dân phố 4 và từ đầu nhà ông Nguyễn Mạnh Hà đến điểm cuối là nhà ông Dương Quốc Viên)
B	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN	
I	ĐẤT Ở TẠI KHU DÂN CƯ VEN ĐÔ, KHU CÔNG NGHIỆP, ĐẦU MỐI GIAO THÔNG, TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG, CHÍNH, KHU THƯƠNG MẠI, KHU DU LỊCH	
13	Xã Mường Hưng	
-	Từ đầu cầu treo đến hết nhà ông Dũng	Từ đầu cầu treo đến hết nhà ông Huy Phương
-	Đường Nà Hạ - Mường Hưng	Đường Tỉnh lộ 115 (T115)
-	Từ đầu cầu cứng (bản Cương Chính) đến đường Nà Hạ - Mường Hưng	Từ đầu cầu cứng (bản Cương Chính) đến đường T115



PHỤ LỤC SỐ 01

**BIỂU SỐ 03: BỔ SUNG GIÁ ĐẤT CÁC VỊ TRÍ, TUYẾN ĐƯỜNG
THUỘC BẢNG 5.7 - HUYỆN MAI SƠN**

(Kèm theo Quyết định số 19/2023/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2023 của UBND tỉnh)

DVT: 1000 đồng/m²

STT	Tuyến đường	Giá đất				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
B	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN					
B1	ĐẤT Ở TẠI KHU DÂN CƯ VEN ĐÔ, KHU CÔNG NGHIỆP, ĐẦU MỐI GIAO THÔNG, TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG, CHÍNH, KHU THƯƠNG MẠI, KHU DU LỊCH					
1	Từ ngã ba đầu nối đường Quốc lộ 6 cũ với đường Quốc lộ 6 tuyến tránh thành phố Sơn La qua địa phận huyện Mai Sơn + 50m đi theo hướng Quốc lộ 6 tuyến tránh thành phố Sơn La qua địa phận huyện Mai Sơn đến hết địa phận bản Nà Hạ 2, xã Chiềng Mung (Từ Km 290+380 m đến Km 291+160 m)	4.700	2.800	2.000	1.400	940
2	Từ ngã tư Quốc lộ 6 tuyến tránh thành phố Sơn La qua địa phận huyện Mai Sơn giao Quốc lộ 4G +200m đi về phía bản Nà Hạ 2 hướng đi huyện Mai Sơn, +200m hướng đi huyện Thuận Châu (từ km 291+935 đến Km292+410)	5.000	3.000	2.250	1.500	1.000
3	Từ ao cạn địa phận xã Chiềng Ban (bản Hợp Ba Văn Tiến) đến hết địa phận huyện Mai Sơn (Từ Km 293+470 đến Km 295+860)	4.500	2.700	2.000	1.350	900



PHỤ LỤC SỐ 01

**BIỂU SỐ 4.1- BỔ SUNG GIÁ ĐẤT CÁC VỊ TRÍ, TUYẾN ĐƯỜNG
THUỘC BẢNG 5.9 - HUYỆN MỘC CHÂU**

(Kèm theo Quyết định số 19/2023/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2023 của UBND tỉnh)

ĐVT: 1000 đồng/m²

STT	Tuyến đường	Giá đất				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
A	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ					
A1	Thị trấn Mộc Châu					
-	Tuyến đường khu đất đấu giá Bế Văn Đàn, tiểu khu 1, thị trấn Mộc Châu	1.750	985	650	400	300
-	Từ thửa đất số 36, tờ bản đồ 30 đến hết thửa đất số 75, tờ bản đồ số 30 (tiểu khu 1, thị trấn Mộc Châu)	4.500	2.500	1.850	1.050	800
-	Các tuyến đường nội thị khu Trung tâm hành chính mới (Quy hoạch 34,5m)	5.500	3.300	2.500	1.650	1.100
-	Các tuyến đường nội thị khu Trung tâm hành chính mới (Quy hoạch 21,5m)	4.800	2.880	2.174	1.440	960
-	Các tuyến đường nội thị khu Trung tâm hành chính mới (Quy hoạch 15,5m)	3.400	1.700	1.223	810	540
-	Các tuyến đường nội thị khu Trung tâm hành chính mới (Quy hoạch 13,5m)	3.200	1.680	1.185	780	520
-	Các tuyến đường khu dân cư 224 cũ (Đường vào trung tâm văn hoá huyện, tiểu khu 8, thị trấn Mộc Châu)	5.300	3.180	2.390	1.590	1.060
A2	Thị trấn Nông trường Mộc Châu					
-	Tuyến đường Khu đất quy hoạch đấu giá tiểu khu 32, thị trấn Nông Trường Mộc Châu (Khu nhà ở Thảo Nguyên)	2.500	1.500	1.000	750	450
-	Từ ngã tư Kho Muối phạm vi 100m qua mỏ đá Thanh Thi đến đất Ban quản lý khu Du lịch Mộc Châu (hướng ra ngã tư Bó Bun)	2.100	1.580	1.050	700	420
B	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN					
VII	Các tuyến đường tại các xã					
2	Xã Đông Sang					
-	Tuyến đường quy hoạch khu đất đấu giá Hội Thợ bản Tự Nhiên, xã Đông Sang	3.600	1.150	700	450	300
-	Tuyến đường khu quy hoạch đấu giá đường giao thông bản Áng, xã Đông Sang (giai đoạn 2)	2.200	850	630	400	250
-	Từ đường trục chính vào rừng thông ngoài phạm vi 40m đến ngã 3 tiểu khu 34 (giáp nhà ông Khu);	600	360	270	180	120
-	Từ ngã 3 tiểu khu 34 đến hết thửa đất số 10, tờ bản đồ số 36	500	300	230	150	100
-	Từ ngã 3 tiểu khu 34 đến đê công Công ty Hoa Nhiệt đới	400	240	180	120	80



PHỤ LỤC SỐ 01

BIỂU SỐ 4.2. ĐIỀU CHỈNH TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG TẠI MỘT SỐ VỊ TRÍ TUYẾN ĐƯỜNG THUỘC BẢNG 5.9 - HUYỆN MỘC CHÂU

(Kèm theo Quyết định số 19/2023/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2023 của UBND tỉnh)

STT	Tên trước điều chỉnh	Tên sau điều chỉnh
B	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN	
VI	Đường ranh giới xã Đông Sang đi rừng thông bản Áng	
4	Từ nhà văn hóa bản Búa đến đi cổng Công ty TaKii	Từ hết đất thị trấn Mộc Châu đi đến công ty TaKii



PHỤ LỤC SỐ 02

**ĐIỀU CHỈNH TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG TẠI MỘT SỐ VỊ TRÍ TUYẾN ĐƯỜNG
THUỘC BẢNG 5.5 - HUYỆN SÔNG MÃ**

(Kèm theo Quyết định số 19/2023/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2023 của UBND tỉnh)

STT	Tên trước điều chỉnh	Tên sau điều chỉnh
BIỂU SỐ 01- ĐIỀU CHỈNH TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG TẠI MỘT SỐ VỊ TRÍ TUYẾN ĐƯỜNG THUỘC BẢNG 5.5 - HUYỆN SÔNG MÃ (ban hành kèm theo Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 14/7/2020 của UBND tỉnh)		
B	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN	
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu phía tây sông Mã - Thị trấn Sông Mã Khu 6 và Khu 9 huyện Sông Mã	
-	Đường quy hoạch 16,5 m	Đường Lê Thái Tông
-	Đường quy hoạch 11,5 m	Phố Phạm Văn Đồng
-		Phố Lý Nam Đế
-		Đường Nguyễn Huệ
-		Phố An Dương Vương
BIỂU SỐ 02: ĐIỀU CHỈNH TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG TẠI MỘT SỐ VỊ TRÍ TUYẾN ĐƯỜNG THUỘC BẢNG 5.5 - HUYỆN SÔNG MÃ (ban hành kèm theo Quyết định số 01/2022/QĐ-UBND ngày 14/1/2022 của UBND tỉnh)		
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu phía tây sông Mã - Thị trấn Sông Mã Khu 6 và Khu 9 huyện Sông Mã	
-	Đường quy hoạch 21 m	Đường Hùng Vương
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu đô thị Hưng Mai - Thị trấn Sông mã, huyện Sông Mã	
-	Đường quy hoạch 21 m	Đường Hùng Vương
-		Đường Võ Nguyên Giáp



PHỤ LỤC SỐ 03

**ĐIỀU CHỈNH TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG TẠI MỘT SỐ VỊ TRÍ TUYẾN ĐƯỜNG
THUỘC BẢNG 5.1 - THÀNH PHỐ SƠN LA**

(Kèm theo Quyết định số 19/2023/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2023 của UBND tỉnh)

STT	Tên trước điều chỉnh	Tên sau điều chỉnh
	ĐIỀU CHỈNH TÊN TẠI MỘT SỐ VỊ TRÍ, TUYẾN ĐƯỜNG THUỘC BẢNG 5.1 - THÀNH PHỐ SƠN LA <i>(ban hành kèm theo Quyết định số 01/2022/QĐ-UBND ngày 14/1/2022 của UBND tỉnh)</i>	
B	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN	
I	Đường Văn Tiến Dũng	
-	Đoạn từ hết địa phận phường Chiềng Cơi đến cổng trụ sở UBND xã Hua La	Đoạn từ hết địa phận phường Chiềng Cơi đến cổng trụ sở UBND xã Hua La (trừ 100m đi 2 hướng từ đầu nút giao ngã 5 (Đường 31m, đường tránh Quốc Lộ 6, đường Văn Tiến Dũng))
A	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ	
42	Các đường nhánh	
-	Từ Mỏ nước bản cọ đến ngã ba bãi đá đô thị cũ	Từ Mỏ nước bản cọ đến ngã ba giao với Tiểu đoàn Cơ động tỉnh Sơn La